

Bản án số: 1141/2020/DS-PT
Ngày: 28/12/2020.
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Bà Huỳnh Thị Như Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Vũ Khắc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 381/2020/TLPT - DS ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS-ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5765/2020/QĐPT - DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20008/2020/QĐPT - DS ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ HKTT: 22 Lam Sơn, phường A, thành phố B, tỉnh Khánh Hòa.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Huỳnh L, chết năm 2014.

Địa chỉ: 178 Nguyễn Duy Dương, Phường C, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L:

2.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1950.

2.2. Bà Nguyễn Thị Bảo Ng2, sinh năm 1976; Tạm trú: 4/6 Phan Kế Bính Phường E, Quận H, TP.HCM. (có mặt)

Cùng địa chỉ: 178 Nguyễn Duy Dương, Phường C, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Ng2 : Luật sư Nguyễn Văn L2 thuộc Công ty Luật TNHH MTV Thương - Gia Luật - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Ông Nguyễn Huỳnh Th2, sinh năm 1970.

2.4. Ông Nguyễn Huỳnh Th3, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: 4/6 Phan Kế Bính, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2, ông Th2, ông Th3: Ông Nguyễn Đình H2, sinh năm 1998 (ông H2 có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 80 - 82 Phạm Ngọc Thạch, Phường D, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 28 và 29/02/2020).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh K3, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: 56 Đường 13, khu dân cư Bình Hưng, xã F, huyện J, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lê Tiến N3, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: 3 Anderson Street, Belmore NSW2192, Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2011 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th và trong quá trình giải quyết vụ án bà trình bày như sau:

Bà có nhờ ông Nguyễn Huỳnh L (Sáu Bích) giúp cho bà thủ tục pháp lý để bà được ký hợp đồng hợp tác đầu tư 3 dự án, Soái Kinh Lâm (Do công ty quản lý và phát triển nhà Quận 5 quản lý); Tân Cảng và chợ Cầu Muối. Bà đã đưa cho ông Nguyễn Huỳnh L (Sáu Bích) số tiền 7.000.000.000 đồng theo giấy hứa nợ của ông L ngày 16/11/2009; 700.000.000 đồng và 290.000USD, ông L không làm được việc, và có ý định lẩn tránh nên bà đã làm đơn tố cáo ông L gửi cơ quan cảnh sát điều tra - Bộ công an. Làm việc với cơ quan điều tra, ông L thừa nhận thiếu bà số tiền 10.000.000.000 đồng, trong giấy nợ 7.000.000.000 đồng ông L hứa 03 tháng sẽ trả nhưng đến nay ông L vẫn chưa thực hiện. Cơ quan điều tra Bộ Công an đang giữ số tiền 1.150.000.000 đồng do ông K3 nộp cho cơ quan điều tra Bộ công an. Tại tòa bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà và ông K3 mỗi người được sử dụng $\frac{1}{2}$ số tiền trên là 575.000.000 đồng. nếu trừ số tiền ông K3 giao lại cho bà thì ông L còn phải trả cho bà số tiền 6.425.000.000 đồng. Yêu cầu ông L thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là ông Nguyễn Huỳnh L trình bày:

Ông quen biết bà Nguyễn Thị Thu Th qua ông Lê Tiến N3. ông N3 đề nghị ông giúp đỡ tìm dự án xây dựng tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông có nhận lời và ông Nguyễn Thanh K3 giới thiệu cho ông N3 nhiều dự án. ông K3 được bà Th giới thiệu đại diện công ty của bà Th để hoàn tất các thủ tục pháp lý chuyển giao cho công ty của bà Th. ông N3 không đủ vốn nên không thể thực hiện được các dự án này. Ông xác định không vay mượn gì của bà Th. Số tiền nhận của các dự

án này là do bà Th được sự đồng ý của ông N3 đưa cho ông, ông đã chuyển tiền trên cho ông K3 và các đối tác. Việc nhận tiền này ông không ký nhận cũng không ghi chép lại nên không biết chính xác con số, nhưng theo bà Th nêu là khoảng 10.000.000.000 đồng, ông thấy con số đó là hợp lý. Sau đó khoảng năm 2007, ông N3 nói sẽ chuyển tiền để thanh toán các khoản chi phí và thanh toán cho ông và bà Th nhưng bà Th cho ông biết số tiền ông N3 chuyển cho bà không đủ so với số tiền bà Th chi ra nên ông có nói với bà Th chấm dứt việc hợp tác. Tuy nhiên năm 2008 bà Th có gặp ông để đòi lại 10.000.000.000 đồng bà Th đã chi phí cho các dự án trên. Đầu năm 2008, bà Th đã nhận lại số tiền 3.000.000.000 đồng do công ty Tân Gia Hào đầu tư vào dự án Chợ Cầu Muối nên đồng ý hoàn trả chi phí cho bà Th trong dự án trên. bà Th yêu cầu ông viết giấy nợ số tiền 7.000.000.000 đồng còn lại. Sau đó bà Th đưa vụ việc ra cơ quan cảnh sát điều tra, nên ông buộc phải cam kết trả cho bà Th số tiền 5.850.000.000 đồng (Tiền dịch vụ của ông K3: 7.000.000.000 đồng - 1.150.000.000 đồng = 5.850.000.000 đồng). Về văn bản cơ quan cảnh sát điều tra nêu ông cam kết trả cho bà Th 7,7 tỷ đồng và 290.000 USD, ông khẳng định không liên quan đến số tiền 290.000 USD. Nay bà Th khởi kiện, ông không đồng ý và cũng không có khả năng trả số tiền mà bà Th yêu cầu.

Vợ ông là bà Nguyễn Thị Ngọc T2 hoàn toàn không biết, không liên quan gì đến việc trên. Đối với căn nhà 178 Nguyễn Duy Dương vợ chồng ông đã có hợp đồng tặng cho con gái là Nguyễn Thị Bảo Ng2, nên nay ông không còn liên quan gì đến căn nhà này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Nguyễn Thanh K3 trình bày: Số tiền 1.150.000.000 đồng là số tiền ông được thưởng theo hợp đồng hứa thưởng giữa ông và ông L, để ông làm việc theo hợp đồng dịch vụ ký kết giữa ông và ông L vào tháng 12/2006 (Phần hứa thưởng của ông là 3,5 tỷ đồng) nhằm thực hiện lập các thủ tục cho công ty Trúc Anh của bà Th được ký hợp đồng hợp tác đầu tư với công ty quản lý và phát triển nhà Quận 5, ông đã thực hiện xong nhưng ông L mới chỉ thanh toán cho ông số tiền 1.150.000.000 đồng. Số tiền này ông đã nộp cho Cơ quan điều tra - Bộ công an. Nay thông cảm cho bà Th khó khăn nên ông đồng ý chia cho bà Th $\frac{1}{2}$ số tiền trên, mỗi người nhận số tiền 575.000.000 đồng.

2. Ông Lê Tiến N3 trình bày: Ông có quen biết với bà Th và ông L qua công việc, ông đã giới thiệu cho bà Th gặp ông L để lo các phương án thủ tục đầu tư các dự án của công ty của bà Th gồm: Khu thương mại Soái Kinh Lâm, khu Chợ Cầu Muối, khu du lịch Tân Cảng. Chi phí và giao dịch do ông L và bà Th thỏa thuận trực tiếp với nhau, ông không phải là người giao tiền trực tiếp cho ông L, số tiền bà Th giao cho ông L không phải là tiền của ông. Ông có biết bà

Th có giao tiền cho ông L nhưng giao bao nhiêu do các bên thực hiện ông không biết, do công việc ông xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS - ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị Bảo Ng2 phải chịu trách nhiệm trả nợ thay ông Nguyễn Huỳnh L số tiền 5.850.000.000 đồng (Năm tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Thu Th.

Thi hành kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lệ phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 12/5/2020, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà Nguyễn Thị Bảo Ng2 có đơn kháng cáo toàn bộ đối với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th không rút đơn khởi kiện, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà Nguyễn Thị Bảo Ng2 không rút kháng cáo các bên vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đều không nộp thêm chứng cứ nào khác ngoài các chứng cứ đã nộp tại cấp sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Văn L2 bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà Nguyễn Thị Bảo Ng2 trình bày: Cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng, chưa cho đối chất, bỏ qua lời khai của ông L, các tình tiết vụ án chưa rõ ràng làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn. ông L chết không để lại di sản, bà Nguyễn Thị Bảo Ng2 không có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Huỳnh L theo quy định tại Điều 637 Bộ luật dân sự 2005 nhưng tòa án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thủy và quyết định Bà Nguyễn Thị Bảo Ng2 phải chịu trách nhiệm trả nợ thay cho ông Nguyễn Huỳnh L số tiền 5.850.000.000 đồng và chịu án phí sơ thẩm là không có căn cứ. Vụ án lẽ ra phải đình chỉ hoặc tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo đúng quy định pháp luật vì không có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng thì án sơ thẩm đã quy chụp trách nhiệm cho bà Ng2 đối với khoản nợ của ông L là không hợp tình hợp lý, xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà Ng2 . Do đó đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bảo Ng2, ra quyết định hủy bản án sơ thẩm số 85/2020/DS-ST

ngày 27/4/2020 và ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo quy định tại điều 311 Bộ luật TTDS 2015.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét việc Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục được qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Cấp sơ thẩm cho rằng Hợp đồng tặng cho tài sản có số công chứng 005197; Quyền số: 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 3/3/2011 tại Phòng công chứng số 1 là bị vô hiệu, theo quy định pháp luật thì giao dịch bị vô hiệu thì phải xem xét giải quyết hậu quả nhưng cấp sơ thẩm giữ nguyên giao dịch này và buộc bà Ng2 phải trả tiền cho bà Thuỷ là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Thuỷ không khởi kiện đối với Hợp đồng tặng cho tài sản này nhưng cấp sơ thẩm lại xem xét giải quyết liên quan đến Hợp đồng tặng cho tài sản nêu trên là vi phạm tại khoản 1 điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngoài ra bà Thuỷ không thuộc trường hợp được miễn án phí, nhưng cấp sơ thẩm không buộc bà Thuỷ phải đóng án phí sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận là không đúng nên đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS - ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Quận G giải quyết lại vụ kiện theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bảo Ng2 đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, do đó về hình thức là hợp lệ. Về người tham gia tố tụng trong vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà Nguyễn Thị Bảo Ng2 kháng cáo toàn bộ bản án vì cho rằng Bản án sơ thẩm còn có rất nhiều nội dung chưa được làm rõ và quy buộc bà phải trả khoản nợ của cha là ông Nguyễn Huỳnh L (đã chết) là hoàn toàn không có căn cứ.

[3] Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ kiện và kháng cáo của bà Ng2, HĐXX nhận thấy về nội dung vụ kiện như sau:

- Bà Nguyễn Thị Thu Th xác định đã giao cho ông Nguyễn Huỳnh L số tiền là 7.700.000.000 đồng và 290.000 USD để ông L đi làm thủ tục pháp lý cho bà để bà được ký kết các Hợp đồng đầu tư dự án tại Thành phố Hồ Chí Minh và ông L

xác nhận có nhận tiền từ bà Th. Tuy nhiên ông L lại không thực hiện được các công việc đó. Căn cứ tại giấy cam kết ngày 16/11/2009 ông L cam kết trong hạn 03 tháng sẽ gửi lại bà Th số tiền là 7.000.000.000 đồng. Do ông L không trả, nên bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Huỳnh L trả lại số tiền tổng cộng là 6.425.000.000 đồng.

- Xét thấy, bà Nguyễn Thị Thu Th có nhờ ông Nguyễn Huỳnh L lo thủ tục pháp lý cho bà Th để được ký kết các Hợp đồng hợp tác đầu tư 3 dự án: chợ Soái Kinh lâm; khu du lịch Tân Cảng và Chợ Cầu Muối. Tổng số tiền bà Th đã giao cho ông L là 7.000.000.000 đồng. Do ông L không thực hiện được thủ tục pháp lý để cho bà Th ký kết các hợp đồng hợp tác đầu tư nên bà yêu cầu ông L hoàn trả tiền cho bà. ông L đã viết giấy cam kết ghi: *“Hẹn 3 tháng kể từ ngày hôm nay, anh 6 gửi lại em 7.000.000.000 đồng, ngày 16/11/2009 ký tên 6 Bích”* (b1 số 34) và ông L xác nhận có viết giấy trên tại các bản tự khai ở cơ quan điều tra.

- Bị đơn ông L tại cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an vào các ngày 4/3/2010; 16/3/2010; 23/3/2010; 22/4/2010; 2/8/2010; 24/6/2010; 29/6/2010; 5/8/2010 thì ông L khai nhận có nhận của bà Th khoảng 10.000.000.000 đồng để lo dự án (không nhớ rõ các lần giao tiền nhưng thừa nhận khi nhận bằng tiền Việt Nam, lúc nhận bằng đô la; số tiền đó ông sử dụng 1.150.000.000 đồng trả thưởng cho ông Nguyễn Thanh K3, 3.000.000.000 đồng, ông sử dụng vào mục đích cá nhân, số còn lại đưa cho Nguyễn Văn Ninh, không có sử dụng số tiền trên vào các dự án).

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh K3 thừa nhận có nhận từ ông L số tiền 1.150.000.000 đồng, đây là số tiền nằm trong số tiền 3.500.000.000 đồng mà ông L hứa cho ông khi ông thực hiện các thủ tục pháp lý công ty Trúc Anh của bà Th được ký hợp đồng hợp tác đầu tư với công ty quản lý nhà nước thực hiện các dự án ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng ông L mới chỉ đưa cho ông được 1.150.000.000 đồng. Số tiền trên ông đã giao cho cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an tạm giữ nay ông đồng ý chia cho bà Th $\frac{1}{2}$ số tiền trên. bà Th đồng ý nhận $\frac{1}{2}$ số tiền trên và trừ vào số tiền 7.000.000.000 đồng. Sau đó ông L không thực hiện được nên bà Thuỷ khởi kiện yêu cầu ông L phải trả lại số tiền đã nhận trên.

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông L (là cha của bà Nguyễn Thị Bảo Ng2) tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn. Do ông L chết trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đưa vợ và các con của ông L gồm: bà Nguyễn Thị Ngọc T2, bà Nguyễn Thị Bảo Ng2; ông Nguyễn Huỳnh Th2; ông Nguyễn Huỳnh Th3 vào tham gia tố tụng với tư cách những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L là đúng;

Cấp sơ thẩm xác định do ông L chết không để lại di sản nên những người thừa kế của ông L là bà T2, bà Ng2; ông Th2; ông Th3 không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông L là có căn cứ và phù hợp quy định tại điều 637 BLDS năm 2005 (nay là Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015).

Tuy nhiên, HĐXX cấp phúc thẩm nhận thấy:

- Cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Huỳnh L đã tặng cho tài sản của mình cho bà Nguyễn Thị Bảo Ng2 là nhằm mục đích tẩu tán tài sản, đồng nghĩa với việc Hợp đồng tặng cho tài sản có số công chứng 005197; Quyền số: 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 3/3/2011 tại Phòng công chứng số 1 là bị vô hiệu. Căn cứ theo quy định pháp luật khi giao dịch bị vô hiệu thì Tòa án phải xem xét giải quyết hậu quả. Tuy nhiên cấp sơ thẩm lại giữ nguyên giao dịch này và buộc bà Ng2 phải trả tiền là vi phạm theo quy định tại điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Thủy xác định trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay không có yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng tặng cho tài sản số công chứng 005197; Quyền số: 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 3/3/2011 tại Phòng công chứng số 1 được ký giữa ông L, bà T2 và bà Ng2. Tuy nhiên cấp sơ thẩm lại xem xét giải quyết liên quan đến Hợp đồng tặng cho tài sản nêu trên là vi phạm tại khoản 1 điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Liên quan đến các chủ thể tại Hợp đồng tặng cho tài sản số công chứng 005197; Quyền số: 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 3/3/2011 tại Phòng công chứng số 1, ngoài ông L còn có Bà Nguyễn Thị Ngọc T2 (là vợ ông L) bà Nguyễn Thị Bảo Ng2, nhưng cấp sơ thẩm lại không đưa bà T2, bà Ng2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm theo quy định tại khoản 4 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngoài ra, nguyên đơn bà Thủy khởi kiện yêu cầu bị đơn ông L phải trả cho bà số tiền là 6.425.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông L phải trả cho bà Thủy số tiền là 5.850.000.000 đồng và buộc bà Nguyễn Thị Bảo Ng2 (là một trong những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L) phải trả toàn bộ số tiền này. Xét thấy, bà Thủy không thuộc trường hợp được miễn án phí, nhưng cấp sơ thẩm không buộc bà Thủy phải đóng án phí sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận: 6.425.000.000 đồng - 5.850.000.000 đồng = 575.000.000 đồng là vi phạm khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Từ các thiếu sót như nhận định nêu trên, nhận thấy cấp sơ thẩm đã có những vi phạm mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó để đảm bảo xét xử đúng pháp luật, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên cần phải hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS - ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để giao toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân Quận G giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo là bà Nguyễn Thị Bảo Ng2 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bảo Ng2.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS - ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, giao toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bảo Ng2 không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0014691 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G cho bà Nguyễn Thị Bảo Ng2.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận G, TPHCM;
- Chi cục THADS Quận G, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Hương